

Bản án số: 43/2021/DS-PT  
Ngày: 05-3-2021  
“Tranh chấp Hợp đồng vay tài  
sản và Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông **Lâm Văn Be;**
2. Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

**Thư ký phiên tòa:** Ông **Thái Công Hậu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Đặng Thị Châu**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc: Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TBi, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 312/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ti, sinh năm 1948; hộ khẩu thường trú tại: Khu phố 4, thị trấn TBi, huyện TBi, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Tổ 5, ấp ThT, xã ThT, huyện TBi, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hải Y, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ 5, ấp TaN, xã TaBi, huyện TBi, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp ThT, xã ThT, huyện TBi, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp TaN, xã TaBi, huyện TBi, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ti và bị đơn bà Võ Thị Hải Y.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 02-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Ti trình bày:***

Ông có cho bà Võ Thị Hải Y vay tiền nhiều lần; ngoài ra, ông còn bán vệt cho bà Y nên bà Y còn nợ ông các khoản tiền cụ thể như sau:

Ngày 23-02-2020, bà Y nợ tiền bán vệt là 34.385.000 đồng, cam kết bán cầm trừ dần nợ;

Ngày 23-3-2020, bà Y nợ tiền bán vệt là 28.000.000 đồng, cam kết 07 ngày trả. Bà Y đã trả được 13.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng;

Ngày 11-5-2020, bà Y nợ 14.000.000 đồng, cam kết ngày 20-5-2020 trả nợ;

Ngày 13-5-2020, nợ 14.000.000 đồng, cam kết ngày 23-5-2020 trả nợ;

Ngày 15-5-2020, nợ 8.400.000 đồng, cam kết ngày 24-5-2020 trả nợ.

Tổng cộng bà Y còn nợ ông số tiền 85.785.000 (tám mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng. Các lần nợ này ông đều cho bà Y tự ghi và ký tên nhận nợ vào mẫu “Giấy vay tiền” có sẵn. Ông và bà Y thỏa thuận miệng là khi nào trả hết nợ gốc, bà Y cho ông bao nhiêu tiền lãi cũng được, nhưng bà Y chưa trả cho ông tiền lãi.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Y có nghĩa vụ thanh toán (*trả*) cho ông số tiền còn nợ tổng cộng là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 23-02-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 02-6-2020 (ngày khởi kiện) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 09-6-2020, ông có đơn không yêu cầu ông Trương Hoàng M (chồng bà Y) có trách nhiệm trả nợ cho ông.

***Bị đơn - bà Võ Thị Hải Y trình bày:*** Vào cuối năm 2019, bà có vay của ông Ti số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng. Do tiền lãi quá cao, 50.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, nên mỗi ngày bà trả cho ông Ti tiền lãi là 650.000 đồng/ngày, dẫn đến bà không còn khả năng trả nợ cho ông Ti; do đó ông Ti yêu cầu bà viết khoản lãi này thành một tờ giấy nợ mới và tiếp tục trả tiền góp hàng ngày nên trong các giấy nợ này đã bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Ngoài ra, bà còn mua vệt của ông Ti để bán lại. Các giấy nợ ông Ti cung cấp đều là giấy nợ cũ và bà đã trả nợ xong. Đối với “Giấy nợ ngày 11-5-2020”, bà chỉ còn nợ ông Ti 7.000.000 đồng, vì bà có ghi rõ bằng chữ “bãi triệu”.

Sau đó, bà đã trả nợ cho ông Ti nhiều lần và bán cầm cho ông Ti trừ nợ; nên hiện tại bà chỉ còn nợ ông Ti tổng cộng là 5.958.000 (năm triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

Nay bà đồng ý có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Ti số tiền bà chỉ còn nợ tổng cộng là 5.958.000 (năm triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

***Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 22-10-2020, của Tòa án nhân dân huyện TBi, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ti đối với bà Võ Thị Hải Y về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán.

Buộc bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Nguyễn Văn Ti số tiền nợ gốc là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 1.162.000 (một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng là 31.162.000 (ba mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn Ti không yêu cầu ông Trương Hoàng M (chồng bà Võ Thị Hải Y) trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04-11-2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ti có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông; buộc bà Y có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả.

Ngày 04-11-2020, bị đơn bà Võ Thị Hải Y có đơn kháng cáo, với nội dung: Bà đồng ý thanh toán (trả) cho ông Ti số tiền bà chỉ còn nợ tổng cộng là 5.958.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Ti và bà Võ Thị Hải Y đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ti; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Hải Y; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Ti số tiền còn nợ gốc tổng cộng là 12.592.000 đồng theo Giấy vay tiền tại bút lục 30 (hai bên chốt nợ mặt sau của giấy nợ này vào ngày 30-5-2020). Buộc bà Y phải chịu tiền lãi và án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

**[1]** Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng mua bán hàng hóa” là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

**[2]** Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ti và bà Võ Thị Hải Y về việc xác định số tiền bà Y còn nợ, xét thấy:

**2.1.** Đối với “Giấy vay tiền” không ghi ngày/tháng, chỉ ghi năm 2019, có nội dung “*Kể từ ngày 23 tới 30-3-2020*” (Bút lục 23).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giấy nợ được lập trên cơ sở việc ông Ti bán vệt cho bà Y, không phải vay tài sản, trong đó hai bên đương sự thừa nhận có thỏa thuận như sau: “*07 ngày trả nếu không đủ mang vệt trả lại*”. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24-7-2020, ông Ti thừa nhận bà Y có trả lại vệt và vệt bị dìm bùn. Do đó, không có cơ sở xác định bà Y nợ tiền mua vệt của ông Ti theo giấy nợ này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ti về việc ông Ti yêu cầu bà Y trả 15.000.000 đồng tiền bán vệt là có căn cứ.

**2.2.** Đối với “Giấy vay tiền” không ghi ngày/tháng, chỉ ghi năm 2019 (Bút lục 27):

Trên giấy nợ thể hiện số tiền vay có sự chỉnh sửa phần chữ số “14” trên số tiền đã ghi “14.000.000 đồng”. Bà Y chỉ thừa nhận có vay tiền góp của ông Ti số tiền 7.000.000 đồng nên phần chữ có ghi “bài triệu” đồng. Ông Ti trình bày số tiền vay là 14.000.000 đồng nên phần chữ có ghi 02 lần “bài triệu”, cộng lại bằng 14.000.000 đồng. Xét thấy, đây là suy đoán chủ quan của ông Ti, vì ông Ti không có chứng cứ chứng minh bà Y tự chỉnh sửa số “14” nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ti đối với số tiền 7.000.000 đồng là phù hợp, phần ông Ti không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện là 7.000.000 đồng.

**2.3.** Đối với “Giấy vay tiền” không ghi ngày/tháng, chỉ ghi năm 2019 (Bút lục 25):

Theo giấy nợ này, bà Y xác định đã trả nợ xong. Ông Ti thừa nhận bà Y đã trả xong các khoản nợ của năm 2019, đây là khoản nợ của năm 2020 nhưng chứng cứ gốc do ông Ti cung cấp có nội dung của khoản nợ năm 2019. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khoản nợ của bà Y vào năm 2019 và bà Y đã trả xong cho ông Ti là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ti đối với khoản nợ 14.000.000 đồng theo giấy vay tiền này là có căn cứ.

**2.4.** Đối với Sổ tay có bìa ghi chữ “Handbook” (Bút lục 41) do bà Y cung cấp:

Ông Ti thừa nhận có 02 chữ ký của ông trên trang giấy này nhưng ông không đồng ý về số tiền và ngày, tháng, năm ký nhận, vì có dấu hiệu chỉnh sửa, ông chỉ thừa nhận có ký nhận 2.000.000 đồng của bà Y. Tuy nhiên, ông Ti không có chứng cứ để chứng minh và từ chối nộp tiền tạm ứng giám định chữ viết tại các vị trí ông cho rằng bị sửa chữa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Y đã trả cho ông Ti được 11.000.000 đồng vào ngày 26-02-2020 và ngày 28-02-2020 là phù hợp.

**2.5.** Ngoài ra, bà Y trình bày đã trả được cho ông Ti 3.000.000 đồng tại nhà ông Ti vào ngày 08-3-2020, phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Th. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày này của bà Y là phù hợp.

**2.6.** Đối với 03 giấy tập học sinh do bà Y tự ghi chép, theo dõi việc đóng lãi, không có sự xác nhận của ông Ti, ông Ti không thừa nhận, bà Y không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định các khoản tiền bà Y đã trả cho ông Ti tại các giấy này.

**2.7.** Về lời khai của những người làm chứng do bà Y yêu cầu thu thập lời khai (bà Đặng Thị Liên, bà Nguyễn Thị Ngọc Liễu, bà Nguyễn Thị Hoan): Nội dung thông tin do người làm chứng cung cấp không xác định được khoản tiền bà Y đã trả, số lượng cầm đã chờ, thời gian cụ thể. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà Y.

**2.8.** Theo 05 giấy nợ gốc ông Ti cung cấp có tổng số nợ 85.785.000 đồng nhưng trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ti tự nguyện yêu cầu trả số tiền 80.000.000 đồng; số tiền nợ gốc không được chấp nhận là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ gốc là:  $80.000.000 - 50.000.000 = 30.000.000$  đồng. Căn cứ Điều 440, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Y có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Ti số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ.

**2.9.** Về tiền lãi, ông Ti yêu cầu tính lãi suất từ ngày 02-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 22-10-2020 (04 tháng 20 ngày) nhưng các bên không thống nhất lãi theo thỏa thuận, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự, xác định lãi 10%/năm là phù hợp; cụ thể:  $30.000.000 \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 1.162.000$  đồng.

**[3]** Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Hải Y; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Ti số tiền còn nợ gốc tổng cộng là 12.592.000 đồng, vì cho rằng theo Giấy vay tiền tại bút lục 30, giữa ông Ti và bà Y đã chốt nợ tại mặt sau của giấy nợ này vào ngày 30-5-2020 là chưa phù hợp; bởi lẽ, Giấy vay tiền tại bút lục 30 này do bà Y cung cấp và tại phiên tòa phúc thẩm bà Y xác nhận: Chữ viết chốt nợ tại mặt sau của giấy nợ này vào ngày 30-5-2020 là do bà Y tự viết và nộp cho Tòa án nhưng ông Ti không thừa nhận việc chốt nợ này. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ti; buộc bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ **thanh toán (trả)** cho ông Nguyễn Văn Ti **số tiền tổng cộng** là: 31.162.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và 1.162.000 đồng tiền lãi) là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Ti và bà Y; không chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm; ông Nguyễn Văn Ti được miễn tiền án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ **trên**,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ti.
3. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Hải Y.
4. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 55/2020/DS-ST ngày 22-10-2020, của Tòa án nhân dân huyện TBi, tỉnh Tây Ninh.
5. Căn cứ Điều 95, Điều 97, Điều 98 của Luật Đất đai, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
6. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ti đối với bà Võ Thị Hải Y, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bà Võ Thị Hải Y có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Nguyễn Văn Ti số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền nợ gốc và tiền lãi là 1.162.000 (một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 31.162.000 (ba mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (23-10-2020) đến khi thi hành xong, bà Võ Thị Hải Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn Ti không yêu cầu ông Trương Hoàng M (chồng bà Võ Thị Hải Y) trả nợ.

7. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ti đối với bà Võ Thị Hải Y, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản”, với số



tiền nợ gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi của số tiền này từ ngày 02-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 22-10-2020.

**8. Về án phí:**

**8.1. Về án phí sơ thẩm:**

+ Bà Võ Thị Hải Y phải chịu 1.558.000 (một triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

+ Ông Nguyễn Văn Ti được miễn tiền án phí sơ thẩm.

**8.2. Về án phí phúc thẩm:**

+ Bà Võ Thị Hải Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0004669 ngày 04-11-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TBi, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Võ Thị Hải Y đã nộp xong.

+ Ông Nguyễn Văn Ti được miễn tiền án phí phúc thẩm

**9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện TBi;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện TBi;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Tuấn**